

0.a. Goal

Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái

0.b. Target

Mục tiêu 5.1: Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái trong mọi lĩnh vực và ở mọi nơi (Mục tiêu 5.1 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 5.1.1. Tỷ số giới tính khi sinh

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Tổng cục Thống kê

2.a. Definition and concepts

Tỷ số giới tính khi sinh là số bé trai trên 100 bé gái trong tổng số trẻ sinh ra sống trong kỳ báo cáo (thường là một năm) của một khu vực.

2.b. Unit of measure

số bé trai trên 100 bé gái

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

- Tổng điều tra dân số và nhà ở;
- Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ;
- Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình;

- Dữ liệu hành chính.

3.b. Data collection method

Chỉ tiêu “Tỷ số giới tính khi sinh” được tổng hợp từ nguồn dữ liệu của Tổng điều tra dân số và nhà ở (chu kỳ 10 năm), điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ (chu kỳ 5 năm) và suy rộng từ kết quả điều tra mẫu biến động dân số - kế hoạch hóa gia đình hàng năm. Các cuộc Tổng điều tra và điều tra nêu trên đều thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia và do Tổng cục Thống kê thực hiện. Ngoài ra, chỉ tiêu này còn được tổng hợp từ dữ liệu hành chính của Bộ Y tế.

3.d. Data release calendar

Năm

3.e. Data providers

Tổng cục Thống kê;

3.f. Data compilers

Tổng cục Thống kê;

4.a. Rationale

Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh (còn gọi là tỷ số giới tính khi sinh) phản ánh sự cân bằng giới tính của số trẻ em mới sinh trong một thời kỳ (thường là một năm lịch). Bình thường, tỷ số này dao động từ 103 đến 107 và ổn định theo thời gian và không gian. Bất kỳ sự thay đổi của tỷ số này chệch khỏi mức dao động bình thường đều phản ánh sự can thiệp có chủ ý ở một mức độ nào đó và làm ảnh hưởng đến sự mất cân bằng giới tính tự nhiên, đe dọa sự mất ổn định dân số.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Tỷ số giới tính khi sinh} = \frac{\text{Tổng số bé trai sinh ra sống trong kỳ báo cáo}}{\text{Tổng số bé gái sinh ra sống trong kỳ báo cáo}} \times 100$$

5. Data availability and disaggregation

Số liệu có hàng năm từ năm 2010-2019 theo phân tổ thành thị/nông thôn và vùng.

(Nguồn công bố: Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu “Tỷ số giới tính khi sinh” phản ánh các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (mục tiêu 5.1). Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu không có chỉ tiêu này.

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Niên giám thống kê.
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>